

Số: 1018 /NMĐSH1-KTATMT

Hậu Giang, ngày 21 tháng 5 năm 2025

V/v cung cấp báo giá VTTT-Dự phòng phần Cơ
nhiệt - Bơm hệ thống xử lý nước khử khoáng - 2025

Kính gửi: Các nhà cung cấp báo giá

Chi nhánh Phát điện Dầu khí/ Nhà máy Nhiệt điện Sông Hậu 1 đang có nhu cầu mua sắm VTTT-Dự phòng phần Cơ nhiệt - Bơm hệ thống xử lý nước khử khoáng - 2025. Chi nhánh Phát điện Dầu khí/ Nhà máy Nhiệt điện Sông Hậu 1 kính gửi Quý Công ty quan tâm, cung cấp báo giá cho hàng hóa nêu trên, với các nội dung như sau:

1. Phạm vi công việc:

- Danh mục hàng hóa: như Phụ lục Đính kèm;
- Hàng hóa mới 100%, bảo hành tối thiểu 12 tháng, sản xuất từ năm 2023 trở lại đây;
- Cung cấp tài liệu nhà sản xuất, cung cấp CO, CQ/các tài liệu liên quan khác.

2. Tiến độ cung cấp hàng hóa: Nhà cung cấp đề xuất tiến độ tốt nhất có thể để Nhà máy xem xét.

3. Địa điểm giao nhận hàng hóa: Nhà máy Nhiệt điện Sông Hậu 1, ấp Phú Xuân, thị trấn Mái Dầm, huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang.

4. Hiệu lực báo giá: 90 ngày kể từ ngày chào giá.

5. Thời gian gửi báo giá: trước 16h00 ngày 06/06/2025.

6. Phương thức gửi báo giá: gửi trực tiếp/bưu điện theo địa chỉ tiếp nhận báo giá hoặc qua email, fax.

7. Thông tin liên hệ:

Người nhận: Phòng Kỹ thuật An toàn Môi trường - NMNĐ Sông Hậu 1.

Địa chỉ: ấp Phú Xuân, thị trấn Mái Dầm, huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang.

Email: hunglt@pvpgb.vn; minhng01@pvpgb.vn; khoitm@pvpgb.vn; haipdm@pvpgb.vn; giangth@pvpgb.vn; hanhbx@pvpgb.vn; nhanbaogia.hn@pvpgb.vn

Chi nhánh Phát điện Dầu khí/ Nhà máy Nhiệt điện Sông Hậu 1 cảm ơn sự hợp tác của Quý Công ty./

Nơi nhận:

- Như trên;
- GĐ NMNĐ SH1 (để b/c);
- Phòng: TM, KHTC;
- Lưu VT, KTATMT (NQM).

TL. GIÁM ĐỐC CHI NHÁNH PĐDK
KT. GIÁM ĐỐC NMNĐ SÔNG HẬU 1
PHÓ GIÁM ĐỐC



Nguyễn Văn Chính

PHỤ LỤC

Danh mục hàng hóa mua sắm “VTĐT-Dự phòng phần Cơ nhiệt - Bơm hệ thống xử lý nước khử khoáng - 2025”

(Đính kèm Công văn số 1048/NMĐSH1-KTATMT ngày 21/15/2025)

STT	Tên vật tư/Mô tả	Thông số kỹ thuật	Nhà sản xuất hiện hữu	Mã vị trí/ vị trí lắp	Xuất xứ	Số lượng	Đơn vị
VI	Water Treatment						
1	Demineralized Water Storage and Transfer System						
1.1	Pump IHV 65-13	Model: IHV 65-13 Capacity: 46m3/h Discharge Pressure: 2.5 bar Total Head: 25 m Rate Output: 11 KW Speed: 1460 rpm	SHIN HAN NAE SAN		Châu Âu/G7/OECD		
1.1.3	Oil Seal	Material: Rubber		Pos: 47	Châu Âu/G7/OECD	2	PC
1.1.4	Oil Seal	Material: Rubber		Pos: 49	Châu Âu/G7/OECD	2	PC
1.1.5	Gasket	Material: Rubber		Pos: 73	Châu Âu/G7/OECD	2	PC
1.1.6	O-Ring	Material: Rubber		Pos:74	Châu Âu/G7/OECD	2	PC
1.1.7	O-Ring	Material: Rubber		Pos:75	Châu Âu/G7/OECD	2	PC
1.1.8	Mechanical Seal	Model no: RO-055	KSM	Pos:80	Châu Âu/G7/OECD	2	SET
1.1.9	O-Ring	Material: Rubber		Pos:83	Châu Âu/G7/OECD	4	PC
1.2	RO FEED PUMP	Model: IHV 80-13 Capacity: 76 m3/h Discharge Pressure: 3 bar Total Head: 30 m Rate Output: 15 KW Speed: 1470 rpm	SHIN HAN NAE SAN		Châu Âu/G7/OECD		
1.2.3	Oil Seal	Material: Rubber		Pos:47	Châu Âu/G7/OECD	1	PC
1.2.4	Oil Seal	Material: Rubber		Pos:49	Châu Âu/G7/OECD	1	PC
1.2.5	Gasket	Material: Rubber		Pos:73	Châu Âu/G7/OECD	1	PC
1.2.6	O-Ring	Material: Rubber		Pos:74	Châu Âu/G7/OECD	1	PC
1.2.7	O-Ring	Material: Rubber		Pos:75	Châu Âu/G7/OECD	1	PC
1.2.8	Mechanical Seal	Model no: RO-055	KSM	Pos:80	Châu Âu/G7/OECD	1	SET
1.2.9	O-Ring	Material: Rubber		Pos:83	Châu Âu/G7/OECD	2	PC
1.3	Bơm nước thải rửa ngược	Model: IHV 80-10 Capacity: 75 m3/h Discharge Pressure: 2 bar Total Head: 20 m Rate Output: 11 KW Speed: 1460 rpm	SHIN HAN NAE SAN		Châu Âu/G7/OECD		
1.3.3	Oil Seal	Material: Rubber		Pos:47	Châu Âu/G7/OECD	1	PC
1.3.4	Oil Seal	Material: Rubber		Pos:49	Châu Âu/G7/OECD	1	PC
1.3.5	Gasket	Material: Rubber		Pos:73	Châu Âu/G7/OECD	1	PC
1.3.6	O-Ring	Material: Rubber		Pos:74	Châu Âu/G7/OECD	1	PC
1.3.7	O-Ring	Material: Rubber		Pos:75	Châu Âu/G7/OECD	1	PC
1.3.8	Mechanical Seal	Model no: RO-040	KSM	Pos:80	Châu Âu/G7/OECD	1	SET
1.3.9	O-Ring	Material: Rubber		Pos:83	Châu Âu/G7/OECD	2	PC
2.1	Service water pump	- Model: MTB 150x3S - Capacity: 3.67 m3/min, 220 m3/hr - Discharge Pressure: 8.85 Bar - Total Head: 80 m - Power: 110 KW - Speed: 1485 rpm - Nozzle: + Suction: DN200 ANSI 150LB + Discharge: DN150 ANSI 300LB	SHIN SHIN PUMP MACHINERY		Châu Âu/G7/OECD		
2.1.1	Ball Bearing	Material: A295-52100		Pos: 321.1	Châu Âu/G7/OECD	1	PC
2.1.2	Ball Bearing	Material: A295-52100		Pos: 321.2	Châu Âu/G7/OECD	1	PC
2.1.3	O-Ring	Material: EPDM		Pos: 412.2	Châu Âu/G7/OECD	1	PC
2.2	DM water pump	- Model: ICP 125-100-400 - Capacity: 2.33 m3/min, 140 m3/hr - Discharge Pressure: 4.97 Bar - Total Head: 40 m - Power: 30 KW - Speed: 1470 rpm - Nozzle: + Suction: DN125 ANSI 150LB + Discharge: DN100 ANSI 150LB	SHIN SHIN PUMP MACHINERY		Châu Âu/G7/OECD		
2.2.1	Gasket	Material: TEFLON		Pos: 400.1	Châu Âu/G7/OECD	1	PC
2.2.2	Gasket	Material: TEFLON		Pos: 400.2	Châu Âu/G7/OECD	1	PC
2.2.3	Mechanical Seal	Material: Carbon		Pos: 470.1	Châu Âu/G7/OECD	1	Set

006
NHÂN
DÂN
CÔNG
QU
T NAM
HỒ

mb

STT	Tên vật tư/Mô tả	Thông số kỹ thuật	Nhà sản xuất hiện hữu	Mã vị trí/ vị trí lắp	Xuất xứ	Số lượng	Đơn vị
2.3	FGD make up pump	- Model: MTB 150x2S - Capacity: 3.83 m3/min, 230 m3/hr - Discharge Pressure: 6.41 Bar - Total Head: 55 m - Power: 75 KW - Speed: 1485 rpm - Nozzle: + Suction: DN200 ANSI 150LB + Discharge: DN150 ANSI 300LB	SHIN SHIN PUMP MACHINERY		Châu Âu/G7/OECD		
2.3.2	Ball Bearing	Material: A295-52100		Pos: 321.2	Châu Âu/G7/OECD	1	PC
2.3.3	O-Ring	Material: EPDM		Pos: 412.2	Châu Âu/G7/OECD	1	PC
2.3.4	Mechanical Seal	Material: Carbon		Pos: 470.1	Châu Âu/G7/OECD	1	Set
2.4.1	Ball Bearing	Material: A295-52100		Pos: 321.1	Châu Âu/G7/OECD	1	PC
2.4.2	O-Ring	Material: EPDM		Pos: 412.1	Châu Âu/G7/OECD	1	PC
2.4.3	Mechanical Seal	Material: Carbon		Pos: 470.1	Châu Âu/G7/OECD	1	Set
2.5	Treated Water Transfer Pump	- Model: MTP 100 x 4s - Capacity: 1,83 m3/min, 110 m3/hr - Discharge Pressure: 8,74 bar - Total Head: - Power: 55 KW - Speed: 1480 rpm	SHIN SHIN PUMP MACHINERY		Châu Âu/G7/OECD		
2.5.1	Ball Bearing	Material: A295-52100		Pos: 321.1	Châu Âu/G7/OECD	1	PC
2.5.2	Ball Bearing	Material: A295-52100		Pos: 321.2	Châu Âu/G7/OECD	1	PC
2.5.3	O-Ring	Material: EPDM		Pos: 412.2	Châu Âu/G7/OECD	1	PC
2.5.4	Mechanical Seal	Material: Carbon		Pos: 470.1	Châu Âu/G7/OECD	1	Set
5.1	Equalization pump	- Model: TO-8-SVEX - Capacity: 0.03 M3/Min - Discharge Pressure: 0.8 Bar - Total Head: 8 m - Shut-Off Head: 8 m	SHIN SHIN PUMP		Châu Âu/G7/OECD		
5.1.2	Oil Seal	N.B.R		Pos: 10	Châu Âu/G7/OECD	2	PC
5.2.1	Mechanical Seal	SIC/SIC		Pos: 21	Châu Âu/G7/OECD	2	Set
5.2.2	Oil Seal	N.B.R		Pos: 10	Châu Âu/G7/OECD	2	PC
6.1	Bơm nước sinh hoạt	- Model: MB 80x7S - Capacity: 0.68 m3/min, 41 m3/hr - Discharge Pressure: 6.47 Bar - Total Head: 58 m - Nozzle: + Suction: DN100 ANSI 150LB + Discharge: DN80 ANSI 300LB	SHIN SHIN PUMP MACHINERY		Châu Âu/G7/OECD		
6.1.1	Ball Bearing	Material: A295-52100		Pos: 321.1	Châu Âu/G7/OECD	1	PC
6.1.3	Oil Seal	Material: NBR		Pos: 421.1	Châu Âu/G7/OECD	2	PC
6.1.4	Oil Seal	Material: NBR		Pos: 421.2	Châu Âu/G7/OECD	2	PC
6.1.6	O-Ring	Material: Fluorocarbon (Viton)		Pos: 412.4	Châu Âu/G7/OECD	1	PC

Yêu cầu khác:

Các hàng hóa nêu trên là vật tư thay thế/spare part cho các bơm thuộc Hệ thống xử lý nước khử khoáng, là một trong những Hệ thống chính của Nhà máy. Do đó, để đảm bảo tương thích, đồng bộ với thiết bị/hệ thống hiện hữu, đang sử dụng tại Nhà máy (tương thích về kích thước, khả năng lắp đặt, kết nối cho thiết bị/hệ thống nêu trên), VTTT phải là hàng hóa chính hãng, đúng chủng loại/model, thông số kỹ thuật như yêu cầu.

mlh